

## BÀI 10: TRUNG QUỐC

### TIẾT 1: TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

#### I. Vị trí địa lí và lãnh thổ

##### - Vị trí:

- + Rìa đông của lục địa Á - Âu.
- + Giáp 14 nước và Thái Bình Dương.

##### - Lãnh thổ:

- + Rộng 9,5 triệu km<sup>2</sup>.
- + Gồm 22 tỉnh, 5 khu tự trị, 4 thành phố trực thuộc trung ương.



Địa hình và khoáng sản Trung Quốc

#### II. Điều kiện tự nhiên

<b>Điều kiện tự nhiên</b>	<b>Miền Tây</b>	<b>Miền Đông</b>
Địa hình	- Núi cao, sơn nguyên đồ sộ xen các bồn địa.	- Đồng bằng châu thổ rộng lớn.
Sông ngòi	- Đầu nguồn của các con sông lớn phía Đông. - Dòng chảy tạm thời; sông ít, nhỏ, dốc.	- Hạ lưu các sông lớn: Hoàng Hà, Trường Giang.
Khí hậu	- Ôn đới lục địa khắc nghiệt.	- Phía Bắc ôn đới gió mùa. - Phía Nam cận nhiệt đới gió mùa.
Khoáng sản	- Nghèo khoáng sản (than, dầu mỏ).	- Giàu khoáng sản: than, dầu mỏ, sắt...
Đánh giá	- Thuận lợi: + Lâm nghiệp. + Đồng cỏ phát triển chăn nuôi. + Thủy điện. + CN khai khoáng. - Khó khăn: + Khô hạn, khắc nghiệt. + Đất cằn cỗi, địa hình hiểm trở.	- Thuận lợi: + Phát triển nông nghiệp. + Công nghiệp khai khoáng. + Giao thông, xây dựng cơ sở hạ tầng, thu hút dân cư phát triển kinh tế - xã hội. - Khó khăn: lũ lụt.

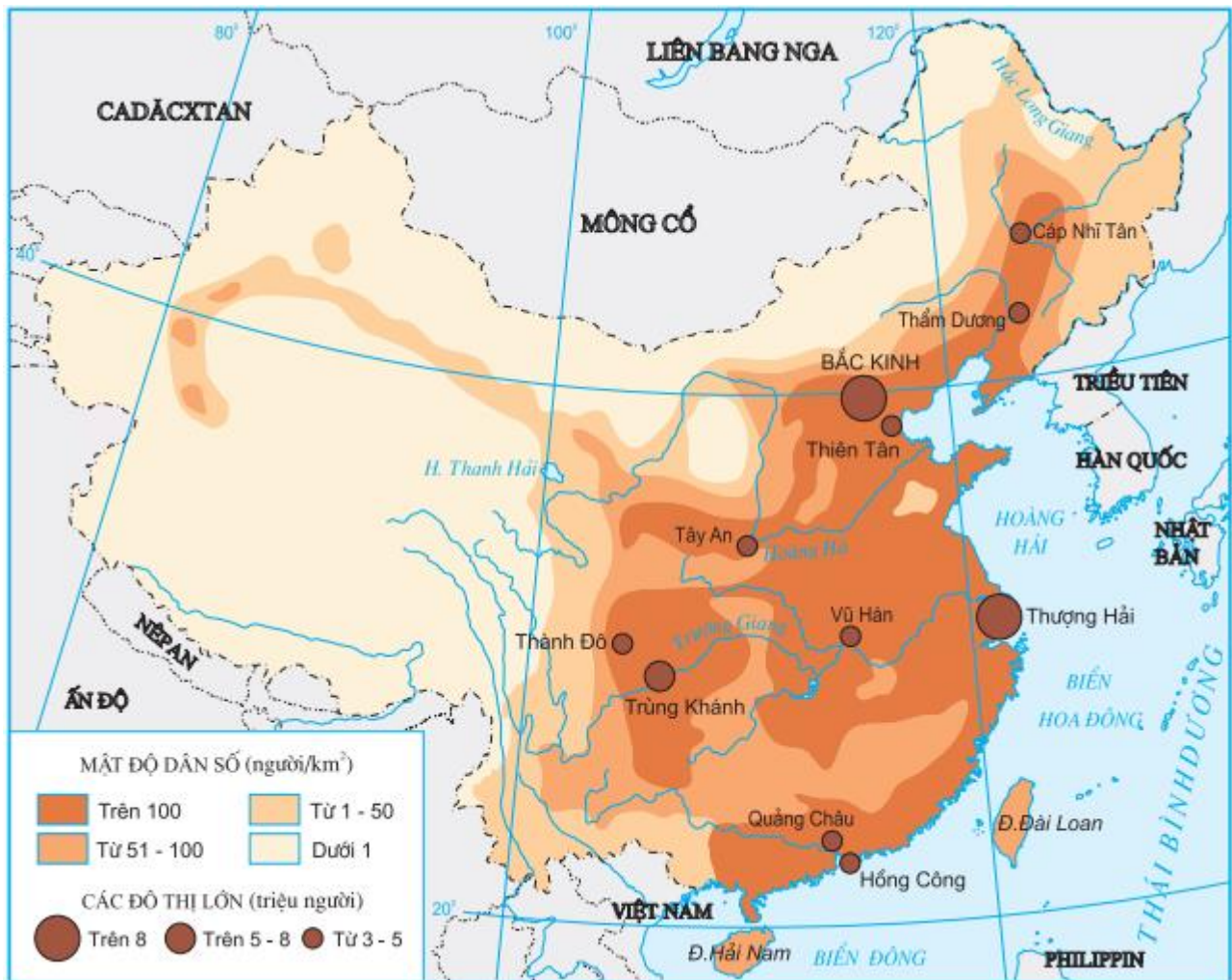


Dãy núi Hi-ma-lay-a cao đồ sộ nhất thế giới

### **III. Dân cư và xã hội**

#### ***1. Dân cư***

- *Đông dân nhất thế giới*: 1,44 tỉ người (chiếm 1/5 dân số thế giới - 2020).
- *Tỉ suất gia tăng tự nhiên*: khá thấp, chỉ còn 0,5% (thi hành nhiều chính sách dân số rất triệt để).
- *Phân bố*: không đồng đều (50% tập trung ở phía Đông).
- *Tỉ lệ dân thành thị*: khá cao (60,1% - 2020).
- *Thành phần dân tộc*: đa dạng (56 dân tộc, người Hán chiếm đa số: 94%).



Phân bố dân cư Trung Quốc

## 2. Xã hội

- Giáo dục phát triển.
- Nền văn minh lâu đời.
- Truyền thống cần cù, sáng tạo.
- > Thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội (đặc biệt là du lịch).





Vạn Lý Trường Thành, Trung Quốc